

**BÚT PHÁP TRÀO LỘNG - MỘT TRONG NHỮNG BIỂU HIỆN
CỦA XU HƯỚNG DÂN TỘC HÓA THỂ LOẠI
TRONG HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP**

Trần Quang Dũng*

TÓM TẮT

Bút pháp trào lộng là một trong những biểu hiện cho xu hướng dân tộc hóa thể loại của *Hồng Đức quốc âm thi tập*, và được thể hiện ở một số phương diện cơ bản: đề tài, chủ đề; cách sử dụng hệ thống hình tượng bắt nguồn từ hiện thực đời sống bình dị, dân dã; nghệ thuật hư cấu dựa trên những liên tưởng tương đồng, quen thuộc của sự vật, hiện tượng; nghệ thuật đối lập giữa cái “chân” và cái “giả”, cái “bi” và cái “hài”; lối nói cường điệu phóng đại... tạo tiền đề cho sự cho những thành công của bút pháp trào lộng trong thơ Nôm Đường luật ở các thế kỷ sau.

ABSTRACT

**Satire penmanship – one of the presentations of tendency to nationalize
poetic styles in Hong Duc Quoc am Thi tap**

Satire penmanship was one of the presentations of tendency to nationalize poetic styles in Hong Duc Quoc am Thi tap in some basic aspects: subjects, themes, the ways of using image system from the reality of normal life, country dwellers, fictitious art based on similar, familiar connections of things and phenomena, contrastive art of “truth” and “fake”, of “tragedy” and “humor”; exaggeration ... that made premises for successes of satire penmanship in poetry of Nom Duong luat in the following centuries.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình thơ Nôm Đường luật (TNĐL), *Hồng Đức Quốc âm thi tập* (HĐQATT) là cột mốc thứ hai, sau *Quốc âm thi tập*, khẳng định vị trí xứng đáng của dòng thơ tiếng Việt trong nền văn học dân tộc. Nghiên cứu khuynh hướng vận động thẩm mỹ của tập thơ, chúng ta thấy có hai xu hướng trái chiều: vừa hướng tới “đồng tâm” với tính chất ước lệ, điển phạm của thơ luật Đường, vừa hướng tới “li tâm” theo tinh thần của thơ ca dân tộc ở cả phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật.

* TS - Trường ĐH.Hồng Đức, Thanh Hóa.

Xét riêng ở hệ thống bút pháp nghệ thuật cũng vậy, bên cạnh bút pháp tượng trưng và các phép tu từ nghệ thuật (đối ngẫu, luyện chữ, đúc câu...) của thơ luật còn xuất hiện bút pháp trào lộng theo xu hướng dân tộc hóa thể loại, gần với bút pháp trào phúng của thơ ca dân gian. Vì thế, khẳng định bút pháp trào lộng trong HĐQATT cũng là cơ sở để khẳng định chức năng mở hướng thể loại của HĐQATT trong tiến trình *thơ Nôm Đường luật* (TNĐL).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bút pháp trào lộng trong thơ Nôm Đường luật trước Hồng Đức quốc âm

- Theo cổ sử, TNĐL xuất hiện từ thế kỷ XIII, và các nhà nghiên cứu cho biết: “Ở thời Trần, Nguyễn Sĩ Cố có làm thơ hài hước, nhưng hiện nay thơ quốc âm của ông không còn. Riêng trong Quốc âm thi tập, Nguyễn Trãi chỉ mới có đôi nét trào phúng, thoang thoảng mà thôi” [3, tr. 26].

- Như vậy, trước HĐQATT, bút pháp trào lộng chưa được định hình rõ nét và cũng chưa có những cứ liệu văn bản để khẳng định. Đến HĐQATT đã xuất hiện hàng loạt các bài thơ trào lộng ở hầu hết các môn loại tập thơ, nhất là ở mục *Phẩm vật môn*, và những thành tựu của nó sẽ là tiền đề cho bước phát triển mới của bút pháp trào phúng của các tác Đường luật Nôm sau này theo xu hướng dân chủ hóa, dân tộc hóa thể loại.

2.2. Biểu hiện của bút pháp trào lộng trong Hồng Đức quốc âm

Bút pháp trào lộng trong HĐQATT được thể hiện khá đa dạng trên nhiều phương diện: từ việc lựa chọn hệ thống đề tài, chủ đề đến việc xây dựng hình tượng nghệ thuật; từ việc lựa chọn từ ngữ, hình ảnh cho đến nghệ thuật tạo mâu thuẫn, đối lập giữa “chân – giá”, “bi – hài”, v.v... Tuy nhiên, đối sánh với nghệ thuật trào phúng của văn học truyền thống (văn học dân gian), bút pháp trào lộng trong HĐQATT mang đặc điểm riêng: tiếng cười chưa phải với tư cách là tiếng nói phê phán, tố cáo xã hội mà là nét trào tiếu lạc quan của tinh thần Việt Nam, mang tính chất giải trí, tạo một không khí gần gũi, chân tình, giảm đi phần trang nghiêm, điển phạm vốn có của tập thơ.

2.2.1. Về phương diện đề tài, chủ đề

Khảo sát HĐQATT cho thấy, khác với bút pháp tượng trưng, bút pháp trào lộng không xuất hiện ở mọi hệ thống đề tài, chủ đề tập thơ. Cụ thể hơn, chúng ta không thấy các tác giả Hồng Đức trào lộng ở những đề tài, chủ đề “to tát”, “trang

nghiêm” của văn chương Nho giáo như vịnh sử, giáo huấn đạo lí nho gia... mà xuất hiện chủ yếu ở đề tài *vịnh vật*.

*Chẳng hạn, vịnh Cây đánh đu:
Tế hậu thổ khom khom cật,
Vái hoàng thiên ngựa ngựa lòng...
Chơi xuân hết tác xuân đường ấy,
Cột nhỏ đem về lỗ bỏ không.*

Bài thơ như một “ám thị” khiến người đọc phải tự tìm lấy “ý tại ngôn ngoại”. Nhưng nhờ bút pháp trào lộng thông qua việc sử dụng đặc địa các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị tạo hình: “khom khom”, “ngựa ngựa”, “cột nhỏ”, “lỗ bỏ không” mà “ẩn số” của bài thơ đã được hóa giải trong sự thăng hoa của cảm xúc. Với các tác gia Hồng Đức, “hoàng thiên”, “hậu thổ” cũng bị lôi ra làm trò đùa thì ngay cả *Tượng Bà Đanh* cũng đã mất thiêng trước tiếng cười trào tiếu:

*Miệng cười hớn hở hoa in nhị,
Má đỏ hồng hồng tóc vén mây.
Ấy rắp phát cờ trêu ghẹo tiếu,
Hay toan bốc gạo thử thung thầy.*

Rõ ràng, nghệ thuật trào lộng dân gian cũng như phong cách của một Hồ Xuân Hương sau này được thể hiện khá rõ trong bút pháp các tác gia Hồng Đức, đúng như nhận xét: “... nếu văn học dân tộc ở các thế kỷ XVIII – XIX giành được những đỉnh cao chói lọi của thơ trào phúng bởi một Hồ Xuân Hương, một Tú Xương, Nguyễn Khuyến... thì đâu phải nó không được bắt đầu từ những viên gạch lát của trường thơ Hồng Đức cách đây ba bốn thế kỷ? Đâu phải những câu thơ tuyệt tác của thi sĩ họ Hồ không được nhào luyện nên từ trong bút pháp trào phúng, ngôn ngữ trào phúng của cái cung đình thi ca mà người đứng đầu là Lê Thánh Tông Hoàng Đế?” [5, tr. 575].

2.2.2. Về phương diện sử dụng hình tượng nghệ thuật

Xét trên phương diện xây dựng hình tượng nghệ thuật, bút pháp trào lộng trong HDQATT hướng tới sử dụng đồng thời hai loại hình tượng: hình tượng nghệ thuật ước lệ (*phong hoa tuyết nguyệt...*) và hình tượng nghệ thuật bắt nguồn trực tiếp từ hiện thực đời sống (*cái quạt, cây đánh đu, con cóc, con muỗi...*). Tùy theo tính chất của từng loại đề tài, chủ đề mà sử dụng các loại hình tượng nghệ

thuật ấy sao cho phù hợp, gắn với chức năng trào lộng khác nhau: hoặc hài hước, hoặc mua vui, tiêu khiển.

*Chẳng hạn, vịnh cảnh Nhà dột:
Đêm có ả trăng làm bạn cũ,
Ngày thì dì gió quét bên giường.
Lại còn một vẻ quang thanh nữa,
Ngọc lộ đầy mâm để uống thường.*

Đoạn thơ xuất hiện đồng thời hai loại hình tượng: hình tượng nghệ thuật ước lệ: *trăng, gió, ngọc lộ...*, và hình tượng nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống: *ả, dì, giường, mâm...* Chức năng trào lộng ở đây không hướng tới đả kích hay châm biếm mà chỉ đơn thuần là để tự trào. Vì thế, cảnh nhà dột trong cảm xúc của các nhà thơ hóa ra lại đủ tất cả: có bạn (ả trăng, dì gió), có phẩm vật (ngọc lộ đầy mâm), và có cả sự đồng cảm (Thấy trời dòm xuống biết trời thương). Cách nói, cách diễn đạt cũng thật suồng sã mà chân tình, ý vị.

2.2.3. Về nghệ thuật hư cấu

Giống như thơ ca truyền thống, bút pháp trào lộng trong HĐQATT thường sử dụng lối hư cấu dựa trên những liên tưởng tương đồng, gần gũi, quen thuộc của sự vật, hiện tượng khiến cho “cái được biểu đạt” vừa kín đáo, tinh tế, vừa thực hiện được chức năng biểu đạt cụ thể, xác định.

*Chẳng hạn, vịnh Cái quạt:
Lưng mềm yếu điệu mười lăm tuổi,
Má điểm yên chi bảy tám khuyên.
Dặm liễu đã từng che mặt ngọc,
Đường hoa có thưở vẫy người tiên.*

Tính nhân hóa các đồ vật, loài vật vô tri cũng là một biện pháp gây cười quen thuộc trong văn học dân gian và HĐQATT.

Tuy nhiên, ở một số trường hợp, nghệ thuật hư cấu trong bút pháp trào lộng của các tác gia Hồng Đức còn rơi vào “tự nhiên chủ nghĩa”. Bài vịnh *Con voi* là một ví dụ:

*Trước có đầu, sau có đuôi,
Lớn hơn mọi vật gọi là voi...*

*Đến đâu thì lấy rom đầy đống,
Ban nãy, ở quên lại có vôi.*

Còn gì là niềm lạc thú để được đoán ra dần dần cái nghĩa hàm ẩn sau hình tượng nghệ thuật? Cũng có nghĩa, nắm bắt sự việc trong toàn bộ và trình bày ra hết, do đó nhà thơ đã xóa mất bí ẩn, và vì thế tước bỏ cái niềm vui lớn nhất ở người đọc.

2.2.4. Nghệ thuật tạo mâu thuẫn giữa hiện tượng và bản chất, giữa cái “chân” và cái “giả”, cái “bĩ” và cái “hài”

Nguyên tắc đặc thù của bút pháp trào lộng là tạo mâu thuẫn giữa hiện tượng và bản chất, giữa cái “chân” và cái “giả” để gây cười. Đây cũng là lối tư duy, liên tưởng của người Việt. Nguyên tắc này cũng được các tác gia Hồng Đức vận dụng thành công trong thơ Đường luật.

Chẳng hạn, đây là khí tượng để vương được ngụ qua hình ảnh của *trăng*:

*Cày cày nàng nào khéo hữu tình,
Mặt lâu lâu, vóc nhỏ thanh thanh.
Tròn tròn, méo méo in đời thuở,
Xuống xuống, lên lên suốt mấy canh.
Tháng tháng liếc qua lâu đỏ đỏ,
Đêm đêm liền tới trướng xanh xanh.
Yêu yêu, dẫu dẫu đàn ai gãy,
Tính tính, tình tình tính tính tình.*

(Họa vần bài vịnh trăng X)

Một loạt các từ láy sóng đôi được sử dụng liên tiếp, đứng cạnh nhau, và đó là những từ láy tạo hình, miêu tả các tư thế, dáng vẻ của trăng lung linh, biến hóa, với một giọng điệu trào tiếu nhẹ nhàng mà hóm hỉnh: “lâu lâu”, “thanh thanh”, “tròn tròn”, “méo méo”, “xuống xuống”, “lên lên”, “yêu yêu”, “dẫu dẫu”, “tính tính”, “tình tình”. Cách tả về trăng như thế, đọc lên không thể không mỉm cười với bao liên tưởng... Hóa ra cái “khuôn cả” trên kia đâu chỉ là ngôi báu của bậc chí tôn mà còn là sự hiện thân của vẻ đẹp - sức sống trần tục đầy ma lực của thiêu nữ.

Ngay trong một số bài thơ vịnh *Sen* cũng vậy. Thường sen, các tác gia Hồng Đức còn liên tưởng đến người đẹp, và một chút ham muốn rất đời thường không phải là không có trong cảm xúc của các ông Nghè đời Lê:

*Tây Tử điểm thoi hương phức phức,
 Dương Phi tắm đã ngọc rây rây.
 Trong khi ấy ai nhắn nhủ,
 Thú vị ông Liêm đã biết hay?
 (Tinh liên)*

Nếu cái trang trọng, cái “khẩu khí đế vương” có phần làm cho tập thơ trở nên cách bức, khuôn sáo, già dặn thì tiếng cười lại như một làn gió mát nhẹ thoảng, khiến cho tập thơ trở nên gần gũi, trẻ trung, lạc quan và yêu đời hơn.

2.2.5. Lối nói cường điệu, phóng đại

Bút pháp trào lộng trong HDQATT còn được thể hiện ở lối nói cường điệu, phóng đại khiến cho “cái biểu đạt” không còn là nó nhưng lại tạo ra được những liên tưởng bất ngờ, thú vị ở người đọc. Chẳng hạn, hình ảnh người bình dân (*ngư - tiều - canh - mục*) trong cảm hứng trào lộng của các tác gia Hồng Đức bỗng “hóa thân” thành những bậc hiền nhân quân tử.

Người đi cày trong vai bậc quân thần với lí tưởng “phò nghiêng đỡ lệch”:

*Cày Y cúi đỡ dân Thương ngóng,
 Lều Cát nằm lui chúa Hán nhòm.*

Là bậc thượng khanh trong vai Người chăn trâu:

*Tiếng ca Nịch Thích kê tai ngóng,
 Khúc địch Hoàn Y nghe cổ nhòm.*

Tương tự thế, *Con gà* cũng đủ năm đức của kẻ sĩ quân tử:

*Họ Chu từ thuở dưỡng nên thân,
 Năm đức gồm no: trí, dũng, nhân...
 Nhiều phen làm bạn trong song Tấn,
 Máy phút đưa người khỏi đống Tần*

Vẫn biết, thơ ấy là “thơ khẩu khí”, thơ nói “chí”, nhưng nghệ thuật hình tượng hóa “cái biểu đạt” thông qua lối nói cường điệu, phóng đại và hướng đề tài về người bình dân, về những loài vật trong cuộc sống đời thường, dân dã vẫn là

dấu hiệu gia tăng yếu tố dân tộc trong cảm hứng vịnh đề của các tác gia Hồng Đức. Điều này đã góp phần lí giải: truyền thống dân tộc và tư tưởng Nho giáo, tinh thần thời đại với tư tưởng, tình cảm nhân dân trong cảm hứng sáng tạo nghệ thuật của Lê Thánh Tông và các văn nhân thời Hồng Đức không hề đối lập nhau mà có sự hòa đồng, xuyên thấu để tạo ra nét hấp dẫn riêng cho HĐQATT.

2.2.6. Khả năng sử dụng sáng tạo lớp từ Việt, các hình ảnh thơ bình dị, dân dã

Góp phần tạo ra bản sắc dân tộc cho bút pháp trào lộng trong HĐQATT còn là khả năng sử dụng sáng tạo lớp từ Việt, các hình ảnh thơ bình dị, dân dã, hợp với cảm thức của người Việt.

Chẳng hạn, khi vịnh *Vịnh Bàn Than*

*Lòng bông vó cát bên kia bãi,
Đùng đùng chày đâm mái nọ non.
Cắm, nhỏ đầu ghènh sào máy cối,
Nhấp nhô mặt nước đá hay hòn.*

Hay lúc ngắm *Kênh Trâm*:

*Gò nổi xương trâu rêu lún phún,
Bãi lè lưỡi bạng bọt lăm tằm.
Chan chan thuyền khách sào chưa nhỏ
Sinh sịch chài ai cọc hãh cặm.¹*

Những từ ngữ, hình ảnh “vó cát”, “chày đâm”, “nhấp nhô”, “cắm, nhỏ”, “gò nổi”, “bãi lè”, “bọt lăm tằm”, “cọc hãh cặm”... hoàn toàn là từ Việt, rất gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày của người bình dân, hợp với sinh hoạt của cuộc sống dân dã, nhưng hình tượng thơ không vì thế mà mất đi chức năng biểu đạt thẩm mỹ và sức ám thị dưới dạng một câu đố. Có tục nhưng không thô, vẫn chừng mực, kín đáo. Đúng như nhận xét: “Cảm hứng trào lộng ở đây thường hóm hỉnh, trẻ trung, chừng mực, phù hợp với cuộc sống thanh bình, an lạc, với tinh thần lạc quan của “thế hệ dân thân yêu đời”, không thấy dấu hiệu của sự phóng dăng, thiếu trang nhã...”[4, tr. 331].

Như vậy, cùng với bút pháp tượng trưng, trữ tình, bút pháp trào lộng đã tạo ra tính đa phong cách cho HĐQATT. Thật ra, việc tách bạch từng loại bút pháp để tìm hiểu chỉ mang tính chất tương đối. Bởi ngay trong từng bài thơ thường có sự kết hợp đồng thời nhiều loại bút pháp khác nhau nhằm tăng hiệu quả biểu đạt

nghệ thuật. Nói cách khác, trong nhiều trường hợp, nếu tách riêng từng loại bút pháp, hình tượng nghệ thuật sẽ tan rã, mất đi giá trị biểu đạt tổng hợp và chức năng thẩm mỹ của bài thơ.

3. Kết luận

Trong tiến trình TNĐL, bút pháp trào lộng đã được khơi mở và khẳng định từ trường thơ Hồng Đức, và được đánh giá là những “viên gạch lát” đầu tiên cho sự phát triển của dòng thơ trào phúng trữ tình ở các thế kỷ sau. Đặc điểm nổi bật của bút pháp trào lộng trong HĐQATT là tiếng cười trào tiêu nhẹ nhàng, và phần nhiều mang tính chất “thư giãn”; là tiếng cười khẳng định thể chế xã hội chứ chưa phải là tố cáo, phủ định.

Mặt khác, “sự xuất hiện bút pháp trào lộng theo xu hướng dân tộc hóa thể loại đã khiến cho tính chất cung đình của lối văn chương quan phương, điển phạm của tập thơ mang một sắc thái mới, tạo được không khí chân tình, gần gũi giữa “kẻ tung người hứng”, “vương xướng thần tùy”, giữa tác giả và độc giả”[1, tr. 198].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Quang Dũng (2005), *Hồng Đức quốc âm thi tập trong tiến trình thơ Nôm Đường luật Việt Nam*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
- [2] Trần Quang Dũng (2008), “Sự vận động và phát triển của thơ Nôm Đường luật theo xu hướng kế thừa, tiếp biến và sáng tạo với Đường luật Hán trên tinh thần dân tộc hóa, dân chủ hóa thể loại”, *Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam hội nhập và phát triển*, Tuyển tập báo cáo tóm tắt, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 345.
- [3] Phạm Trọng Điềm, Bùi Văn Nguyên (1982), *Hồng Đức quốc âm thi tập*, NXB Văn học Hà Nội.
- [4] Nhiều tác giả (1997), *Lê Thánh Tông: con người và sự nghiệp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nhiều tác giả (1998), *Hoàng Đế Lê Thánh Tông: nhà chính trị tài năng, nhà văn hóa lỗi lạc, nhà thơ lớn*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội.

¹ Các dẫn liệu trong bài viết đều được dẫn trích trong cuốn *Hồng Đức quốc âm thi tập*, sđd.